

Bản án số: 240/2026/DS-PT
Ngày: 18 - 3 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng;
Ông Lê Thành Tôn.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Trần Thị Điều – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 723/2025/TLPT-DS Ngày 03 tháng 11 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 364/2025/TLPT-DS ngày 31/12/2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Nguyễn Văn C, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.
- Người đại diện theo ủy quyền của anh C là:*** Anh Nguyễn Việt P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2025, vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khóm B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T là: Anh Trần Rin C1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm B, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2024, xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Huỳnh Hồ Đình Q, sinh năm 1989 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Minh T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 23/02/2024, anh có cho chị Nguyễn Thị Minh T vay số tiền là 450.000.000 đồng, có làm biên nhận do chị T viết và ký tên. Lúc cho chị T vay anh có cho chị T trả dần, vì thấy chị T đang khó khăn. Sau đó, chị T trốn tránh và không trả tiền cho anh.

Vì vậy, anh yêu cầu chị Nguyễn Thị Minh T phải trả cho anh số tiền vay vốn là 450.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi.

Anh thừa nhận có nhận số tiền 500.000.000 đồng của anh Q trả nợ thay cho chị T. Tuy nhiên, khoản tiền này là nợ trước đây của số tiền 609.000.000 đồng chị T mượn của anh theo biên nhận ngày 12/4/2024. Do không có tiền trả nên anh Q đã đứng ra bảo lãnh trả thay cho chị T và anh đồng ý bớt còn lại số tiền là 550.000.000 đồng, anh Q đã trả được 500.000.000 đồng, còn lại số tiền 50.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Đối với số tiền 50.000.000 đồng này, anh không tranh chấp trong vụ án này.

Đối với việc chị T trình bày có chuyển khoản trả 100.000.000 đồng vào ngày 20/01/2024 thì anh cũng thừa nhận, nhưng chị T trả cho khoản nợ khác, chứ không phải trả cho biên nhận ngày 23/02/2024.

Đối với lãi suất vay thì các bên thỏa thuận bên ngoài là 3%/tháng, nhưng chị T chưa trả được khoản tiền lãi nào đối với số tiền vay vốn 450.000.000 đồng.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Trước đây, chị có làm ăn qua lại và quen biết anh Huỳnh Hồ Đình Q. Sau đó, anh Q có giới thiệu chị để vay tiền của anh C. Cụ thể, anh C đã cho chị vay tiền bằng hình thức chuyển khoản như sau:

- + Ngày 13/01/2024, vay 50.000.000 đồng;
- + Ngày 16/01/2024, vay 20.000.000 đồng;
- + Ngày 18/01/2024, vay 150.000.000 đồng;
- + Ngày 05/02/2024, vay 230.000.000 đồng.

Tổng cộng chị vay của anh C số tiền vốn là 450.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn kinh tế, với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1 triệu đồng/ngày.

Đến ngày 20/01/2024, chị có chuyển khoản trả cho anh C số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, chị đã chuyển tiền vào tài khoản của anh Q và nhờ anh Q chuyển trả tiền cho anh C vào các ngày 21/5/2024 số tiền 100.000.000 đồng và ngày 22/5/2024 số tiền 80.000.000 đồng. Khoảng cuối tháng 5/2024 chị nạp chuyển tiền qua hình thức dịch vụ chuyển tiền V vào số tài khoản của anh Q 100.000.000 đồng. Đến khoảng giữa tháng 6/2024, anh Q có cho chị vay số tiền 220.000.000 đồng để trả nợ anh C. Như vậy, tổng cộng chị đã trả cho anh C số tiền 600.000.000 đồng cả vốn và lãi (vốn 450.000.000 đồng và lãi 150.000.000 đồng).

Sau đó, chị có gọi điện thoại liên lạc với anh C để yêu cầu giao lại giấy vay nợ thì anh C không giao và nói anh sẽ tự hủy giấy.

Việc anh C lấy giấy vay nợ trước đây yêu cầu chị trả số tiền vay vốn 450.000.000 đồng, chị không đồng ý vì chị đã trả hết nợ cả vốn và lãi cho anh C.

Đối với số tiền 220.000.000 đồng vay của anh Q thì chị chưa trả, vẫn còn nợ cho đến nay.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C thì chị sẽ yêu cầu anh Q trả lại số tiền mà chị đã đưa cho anh Q để trả cho anh C bằng vụ kiện dân sự khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hồ Đình Q trình bày:

Anh xác nhận vào khoảng tháng 5/2024, anh có nhận số tiền 280.000.000 đồng (Nhận qua chuyển khoản) để chuyển trả nợ cho anh C giúp cho chị T và chị T có vay anh số tiền 220.000.000 đồng để trả nợ cho anh C. Tổng cộng anh đã chuyển trả nợ cho anh C số tiền 500.000.000 đồng. Anh không xác định được là tiền lãi hay

tiền vốn và cũng không xác định được là trả cho biên nhận nào. Hiện nay, chị T còn nợ anh số tiền trên 500.000.000 đồng và hiện anh đang khởi kiện chị T tại Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười và đang được Tòa án thụ lý giải quyết. Trong vụ án này, anh không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Việc chị T còn nợ tiền anh C khoản vay nào khác nữa không thì anh không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 70/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn C (có anh Nguyễn Việt P làm người đại diện theo ủy quyền).

- Buộc chị Nguyễn Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền vay vốn là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2025 chị T làm đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm. Chị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm xét xử lại theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Minh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng **tại phiên** tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Anh Nguyễn Việt P là người đại diện của anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Anh Trần Rin C1 là người đại diện của chị Nguyễn Thị Minh T, anh Huỳnh Hồ Đình Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Chị T thừa nhận có vay của anh C tổng số tiền 450.000.000 đồng và có làm biên nhận ngày 23/02/2024, mục đích vay để làm ăn kinh tế. Tuy nhiên, chị cho rằng đã trả xong nợ cho anh C vốn và lãi là 600.000.000 đồng (Vốn 450.000.000 đồng và lãi 150.000.000 đồng), cụ thể:

+ Ngày 20/01/2024, chị T chuyển khoản cho anh C số tiền 100.000.000 đồng;

+ Ngày 21/5/2024, chị T chuyển khoản cho anh Q nhờ anh Q trả anh C số tiền 100.000.000 đồng;

+ Ngày 22/5/2024, chị T chuyển khoản cho anh Q nhờ anh Q trả anh C số tiền 80.000.000 đồng;

+ Cuối tháng 5/2024 chị T nạp chuyển tiền qua hình thức dịch vụ chuyển tiền V vào số tài khoản anh Q số tiền 100.000.000 đồng và nhờ anh Q trả cho anh C.

+ Đến khoảng giữa tháng 6/2024, chị T mượn anh Q số tiền 220.000.000 đồng và nhờ anh Q trả cho anh C.

Tổng cộng là 600.000.000 đồng.

Xét thấy, lời trình bày của chị T xác định ngày 20/01/2024 chị có chuyển khoản trả cho anh C số tiền 100.000.000 đồng cho số tiền vay 450.000.000 đồng là không phù hợp. Bởi vì, đến ngày 23/02/2024 chị mới viết biên nhận nợ số tiền 450.000.000 đồng đưa cho anh C giữ, nhưng chị lại không trừ số tiền chuyển khoản 100.000.000 đồng vào ngày 20/01/2024. Đồng thời, anh Q thừa nhận có trả nợ thay cho chị T số tiền 500.000.000 đồng, nhưng không xác định được là trả cho biên nhận nào. Ngoài ra, anh Rin C1 trình bày đã trả số tiền lãi là 150.000.000 đồng trên số tiền vay 450.000.000 đồng là chưa phù hợp.

[2] Anh C thừa nhận có nhận số tiền 500.000.000 đồng từ anh Q trả nợ thay cho chị T nhưng là trả cho Biên nhận nợ ngày 12/4/2024 số tiền 609.000.000 đồng,

anh C giảm bớt còn 550.000.000 đồng, đã trả 500.000.000 đồng còn 50.000.000 đồng nhưng anh C không tranh chấp trong vụ án này. Anh C hiện nay vẫn còn giữ bản chính Giấy biên nhận ngày 12/4/2024, vì chị T chưa trả xong hết nợ. Đồng thời, anh C có cung cấp cho Tòa án các bảng sao kê của Ngân hàng thể hiện trước đây anh C đã nhiều lần cho chị T mượn tiền, cụ thể như sau:

+ Ngày 28/11/2022, anh C chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị Minh T mượn số tiền 600.000.000 đồng (gồm 02 lần chuyển khoản);

+ Ngày 09/3/2023, anh C chuyển khoản cho chị Nguyễn Hồng N và chị T mượn số tiền 1.000.000.000 đồng (gồm 03 lần chuyển khoản).

Từ đó, có cơ sở xác định chị T trả số tiền chuyển khoản 100.000.000 đồng vào ngày 20/01/2024 và nhờ anh Q trả thay 500.000.000 đồng là trả cho khoản vay ngày khác chứ không phải khoản vay 450.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 23/02/2024.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C là có căn cứ.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm chị T cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình nên không chấp nhận.

[3] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 147, Điều 148 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Minh T.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 70/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C.
4. Buộc chị Nguyễn Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền vay vốn là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 22.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0000214 ngày 15/7/2025 của Phòng thi hành án khu vực 10 – Đồng Tháp. Chị T phải nộp tiếp 22.000.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn C được nhận lại 11.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0011449 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ *ngày tuyên án*.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 10 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đồng Tháp;
- Phòng GDKTTT&THATAND tỉnh ĐT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).